THÔNG TIN AN TOÀN SẢN PHẨM (MSDS)
A422: SƠN LÓT CHỊU NHIỆT 200^{0}C 2 THÀNH PHẦN CADIN

1. Thông tin cơ bản về sản phẩm và công ty

Tên sản phẩm : Sơn lót chịu nhiệt 200^{0}C 2 thành phần CADIN – A422

Số điện thoại khẩn cấp : 19006716 – 0918.11.48.48

Ứng dụng sản phẩm : Lớp lót cho sơn hệ dung môi

2. Thành phần cấu tạo/ thông tin về hợp phần

Sản phẩm có chứa những chất sau:

Tên hóa chất	Số CAS	Số EC	Mức độ tập trung (%)	Phân loại
Bisphenol A Epoxy Resin	9056-11-6	924-135-8	50 - 55	F;R11, Xi;R36, R66, R67
Xylene	1330-20-7	215-535-7	10-25	R10,Xn;R20/21, Xi;R38
Butyl Acetate	123-86-4	204-658-1	5-10	F;R11, R66
Calcium Carbonate	1317-65-3	215-279-6	10-20	R67, Xi;R37/38 R41
Zinc Oxide	1314-13-2	215-222-5	1-10	Xn;R67
Titanium Dioxide	13463-67-7	236-675-5	1-5	

3. Xác định các nguy hại



Dễ cháy.

Có thể gây kích ứng khi tiếp xúc với da, đường hô hấp ngay lập tức hoặc gây mê.

Hóa chất độc hại với động vật thủy sinh.

4. Biện pháp sơ cứu

4.1 Tổng quát

Nếu nghi ngờ hay khi triệu chứng không giảm, phải đưa đi bác sĩ để chăm sóc. Không được cho bất kỳ thứ gì vô miệng của một người đang bất tỉnh.

4.2 Hít phải

Đưa ra ngoài chỗ thoáng khí. Đôi khi người bệnh thở không đều hay ngưng thở thì phải cho thở bằng máy thở nhân tạo.

4.3 Tiếp xúc ngoài da

Cởi bỏ quần áo bị nhiễm bẩn. Rửa sạch da bằng xà bông và nước hoặc dùng những chất rửa da đã được công nhận. Không được sử dụng dung môi hay chất pha sơn.

4.4 Tiếp xúc với mắt

Ngay lập tức rửa mắt bằng dòng nước trong ít nhất 15 phút, giữ cho mí mắt mở và tìm nhân viên y tế để chăm sóc.

4.5 Nuốt phải

Nếu nuốt phải, tìm nhân viên y tế để chăm sóc ngay, đưa cho họ bình đựng sản phẩm hay nhãn hiệu này. Giữ nạn nhân trong tình trạng ấm và thoải mái. Không được bắt người bệnh nôn ra.

5. Biện pháp chữa cháy

5.1 Phương tiện dập tắt

Xốp chống cồn, CO_2, bột, nước phun sương. Không được sử dụng: tia nước phun áp lực mạnh.

5.2 Các khuyến cáo

Đám cháy sẽ sinh ra khói đen dày, độc hại đối với sức khỏe. Cần sử dụng thiết bị thở thích hợp. Làm lạnh cho các thùng chứa hàng đang cháy bằng cách xối nước lạnh lên bên, hoặc dời các thùng này ra khỏi đám cháy. Không cho nước đã dùng để chữa cháy chảy xuống cống hoặc kênh rạch.

6. Các biện pháp làm giảm tai nạn

Cảnh báo cá nhân

Loại trừ mọi nguồn phát lửa, làm thông thoáng không khí. Tránh hít hơi dung môi. Tiến hành các biện pháp bảo hộ cá nhân như đã nói ở mục 8.

Đổ tràn

Trường hợp bị tràn hay đổ lớn hoá chất, sơ tán mọi người ra khỏi khu vực ngay lập tức. Làm thông thoáng không khí.

Hốt và dọn chất chảy đổ bằng chất không gây cháy, chất hấp phụ. Ví dụ: cát, đất, vermiculite…. Bỏ vật liệu đó vào thùng chứa để xử lý theo đúng quy định của địa phương. Làm sạch bằng cách sử dụng chất tẩy rửa thích hợp, không sử dụng dung môi. Không cho chảy vào cống rãnh hoặc kênh rạch.

7. Vận chuyển, bảo quản và sử dụng

7.1 Vận chuyển

Sơn này có chứa dung môi. Hơi dung môi nặng hơn không khí và có thể bay trải khắp sàn nhà. Hơi dung môi có thể hình thành một hỗn hợp gây nổ cùng với không khí. Nơi bảo quản, pha chế và sử dụng sơn phải được làm thông thoáng nhằm tránh sự tập trung hơi dung môi gây cháy nổ và tránh hơi dung môi tập trung cao hơn giới hạn phơi nhiễm do nghề nghiệp.

Vận chuyển thùng sơn cẩn thận để tránh hư hỏng và rò rỉ.

7.2 Bảo quản

Bảo quản tại nơi khô ráo, có hệ thống thông gió tốt, tránh các nguồn nhiệt và ánh sáng trực tiếp. Giữ cho thùng sơn đóng kín. Thùng đã được mở nắp phải gắn lại cẩn thận và giữ thẳng đứng để tránh rò rỉ.

Không được hút thuốc hay để ánh lửa trần trong khu vực bảo quản và sản xuất.

Đây là loại sản phẩm lỏng, dễ cháy. Yêu cầu xem những qui định của nhà nước về vận chuyển và bảo quản liên quan đến mặt hàng này.

Bảo quản trên nền bê tông hay nền không thấm khác. Không được chồng cao quá 3 pallet.

Tránh để sản phẩm gần các chất oxy hóa, kiềm mạnh, axit mạnh.

7.3 Sử dụng

Tránh tiếp xúc với da và mắt. Tránh hít hơi dung môi và buị sơn. Sử dụng các thiết bị bảo hộ cá nhân.

Không được hút thuốc, ăn uống tại nơi pha chế và nơi sơn.

Không đuợc dùng áp lực để đổ sơn ra khỏi thùng.

Mọi nguồn lửa đều phải được loại khỏi nơi pha chế và nơi sơn.

Sản phẩm có thể tích điện. Luôn phải sử dụng dây nối đất khi đổ dung môi và di chuyển sản phẩm. Người thi công phải mặc quần áo không phát điện và mang giày chống tĩnh điện.

8. Kiểm soát phơi nhiễm và bảo hộ cá nhân

Biện pháp kỹ thuật

Đảm bảo hệ thống thông hơi, hút khí tốt trong khu vực làm việc. Nếu nồng độ bụi và hơi dung môi cao hơn *giới hạn tiếp xúc do nghề nghiệp (OEL)* thì phải mang thiết bị thở thích hợp

Những giới hạn phơi nhiễm

Xylene	TWA: 435 mg/m^3
	STEL: 655 mg/m^3
Butyl Acetate	TWA: 710 mg/m^3
	STEL: 966 mg/m^3
Titanium Dioxide	TWA: 15 mg/m^3
Zinc Oxide	TWA: 5 mg/m^3

STEL: 10 mg/m^3

Bảo hộ cá nhân

Hệ hô hấp

Khi lượng dung môi tập trung vượt quá giới hạn phơi nhiễm được nêu ở trên, người lao động phải mang thiết bị thở thích hợp đã được công nhận. Sử dụng mặt nạ có bộ lọc dung môi và lọc bụi khi thi công bằng súng phun. Khi thi công bằng cọ, con lăn nên dùng mặt nạ có bộ lọc dung môi.

Da và cơ thể

Mặc quần áo bảo hộ thích hợp. Da không được để phơi nhiễm. Tất cả các bộ phận cơ thể đều phải được rửa sạch sau khi tiếp xúc.

Tay

Mang găng tay với chất liệu phù hợp trong quá trình pha chế sơn.

Mắt

Đeo kính bảo hộ để tránh các tia chất lỏng. Mang tấm chắn toàn bộ mặt nếu việc pha trộn hay rót đổ sản phẩm có nguy cơ bị bắn, tràn.

9. Tính chất vật lý và hóa học

Trạng thái vật lý	Chất lỏng
Mùi	Mùi dung môi
Màu	Xám
Tỷ trọng	1.30 ± 0.1kg/l
Tính hòa tan	Tan trong dung môi, không tan trong nước

10. Sự ổn định và độ phản ứng

Ổn định trong điều kiện vận chuyển và bảo quản theo đề nghị (xem phần 7). Khi bị phơi ở nhiệt độ cao, sản phẩm có thể sinh ra các chất bị phân hoá nguy hại như: carbon monoxide, carbon oxide, formaldehyde, silicon dioxide ...

Bảo quản xa các chất oxy hoá, các chất kiềm và acid mạnh nhằm tránh các xảy ra các phản ứng phát nhiệt.

11. Thông tin về độc tính

Phơi nhiễm với tập trung hỗn hợp hơi dung môi vượt quá giới hạn có thể gây tác động có hại đến sức khỏe như viêm mũi, gây khó chịu đối với hệ hô hấp và những tác động có hại khác đối với thận, gan và hệ thần kinh trung ương. Các triệu chứng bao gồm đau đầu, buồn nôn chóng mặt, mệt mỏi, cơ bắp yếu và trong trường hợp nặng có thể gây ra mất ý thức.

Tiếp xúc liên tục hay kéo dài với hợp chất này có thể làm cho da mất đi chất nhờn, gây khô và khó chịu cho da, có có thể thấm qua da. Sản phẩm có chứa một lượng nhỏ biocide có thể gây ra dị ứng đối với người nhạy cảm. Chất lỏng có thể bắn vào mắt gây khó chịu và đau mắt với tổn thương có hại có thể xảy ra.

Thành phần	Oral LD50 (Rat)	Dermal LD50 (Rat)	Inhalation LC50 (Rabbit)
Xylene	4300 mg/kg	>1700 mg/kg	5000 ppm/4 giờ
Zinc Oxide	5000 mg/kg	-	-
Titanium Dioxide	10000 mg/kg	10000 mg/kg	-
Butyl Acetate	>2000 mg/kg	>2000 mg/kg	20 mg/l/4 giờ

12. Thông tin về sinh thái

Thông số độc tính sinh thái

Không cho chảy vào cống hoặc kênh rạch. Chất thải và các thùng chứa hết sơn phải xử lý như chất thải nguy hại.

Chất thải và các thùng hết sơn phải được tiêu hủy theo qui định của từng địa phương.

Thành phần	Loài	Thời kỳ	Kết quả (mg/l)
Xylene	Oncorhynchus mykiss (LC 50)	96 giờ	3.3 mg/l
	Lepomis macrochirus (LC 50)	96 giờ	8.2 mg/l
Zinc Oxide	Oncorhynchus mykiss (LC 50)	96 giờ	1.1 mg/l
	Daphnia magna (EC 50)	48 giờ	0.098 mg/l
	Pseudokirchneriella subcapitata (ErC 50)	72 giờ	0.042 mg/l

13. Xem xét cách loại bỏ

Sản phẩm không được chảy ra cống thoát nước hay sông, suối, kênh rạch nhân tạo.

Sử dụng các thông tin trong bản thông báo này cần có lời khuyên của Chính Quyền Địa Phương (về các quy định chất thải) để xem các quy định về chất thải được áp dụng như thế nào.

14. Thông tin vận chuyển

Chỉ vận chuyển phù hợp với những quy định sau

Vận chuyển đường bộ và đường sắt

Tên hàng vận chuyển	:	Sơn
Số U.N	:	1263
Phân loại	:	3
Nhóm đóng gói	:	III



Cảnh báo :

Vận chuyển đường biển (IMDG)

Tên hàng vận chuyển	:	Sơn
Số U.N	:	1263
Phân loại	:	3
Nhóm đóng gói	:	III
Ems	:	F-E,S-E
Ô nhiễm hàng hãi	:	Không

Vận chuyển đường hàng không (ICAO/IATA)

Tên hàng vận chuyển	:	Sơn
Số U.N	:	1263
Phân loại	:	3
Nhóm đóng gói	:	III

15. Thông tin quy định



Biểu tượng cảnh báo	:	
Chứa	:	Xylene
Nhóm nguy cơ	:	R12: dễ cháy
		R20/21 có hại khi hít phải và tiếp xúc da
		R36: Gây khó chịu cho mắt

		R51/53: Có hại cho sinh vật dưới nước, gây tác dụng phụ lâu dài trong môi trường nước
		R66: Tiếp xúc nhiều lần có thể gây khô và nứt da
		R67: Gây buồn ngủ và chóng mặt
Nhóm từ an toàn		S25: tránh tiếp xúc với mắt

Quy định của Việt Nam

Các chất độc hại – phân loại và những yêu cầu chung về an toàn, TCVN: 3164-79: nhóm III

16. Thông tin khác

Tham chiếu diễn giải nhóm	:	R12 dễ cháy
từ R trong phần 2 và 3	:	R20/21 có hại khi hít phải và tiếp xúc với da
		R38 dị ứng cho da
		S25: tránh tiếp xúc với mắt
Tham chiếu bảng phân loại	:	Xn- có hại
đầy đủ ở phần 2 và 3		Xi – gây dị ứng

Ngày BH *04/10/2021*

Lần BH *0 1*

Soạn thảo bởi *Công Ty Cổ Phần Công Nghệ Vật Liệu CADIN*

Thông tin trong Thông Tin An Toàn Sản Phẩm dựa trên kiến thức hiện nay của chúng tôi và luật lệ hiện hành. Sản phẩm này không được phép sử dụng cho những mục đích khác ngoài mục đích đã nêu ở phần 1, ngoại trừ trường hợp trước đó có nhận được các hướng dẫn xử lý bằng văn bản. Người sử dụng luôn có trách nhiệm phải thực hiện các thủ tục cần thiết để đáp ứng các yêu cầu của quy định và luật lệ địa phương.

Thông tin trong Thông Tin An Toàn Sản Phẩm chỉ được hiểu là sự diễn giải các yêu cầu an toàn cho sản phẩm của chúng tôi. Thông tin này không nên được xem như là sự bảo đảm về các đặc tính của sản phẩm.

Mọi thông tin liên quan đến sản phẩm và/hoặc các đề nghị cho việc lưu trữ và sử dụng sản phẩm nêu trong tài liệu này được cung cấp với thiện ý và từ những nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên CADIN không chịu trách nhiệm cho tính chính xác và/ hoặc đầy đủ của các thông tin này.